

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Ninh Ngọc Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê T, sinh năm 1998. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn II, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã H, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý A, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Bảo Đài II, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê T trình bày:

Chị Lê T và anh Lý A đăng ký kết hôn ngày 13/11/2018, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2019, do con nhỏ, chị T không đi làm, kinh tế gia đình khó khăn, phụ thuộc vào thu nhập của anh A, cuộc sống áp lực khiến anh A thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị T. Hai vợ chồng cũng nhiều lần tìm cách hóa giải mâu thuẫn, được bố mẹ hai bên khuyên bảo nhưng anh

A không thay đổi, luôn đổ lỗi cho vợ nên khúc mắc không thể hóa giải, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 02/2022, chị T đi làm công ty nhưng hai vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh Lý A ném quần áo đuổi chị T ra khỏi phòng trọ, từ đó đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Hôm nay khi đến Tòa án anh A còn tát chị T 3 cái. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Lê T yêu cầu được ly hôn với anh Lý A.

Về con chung, có 02 người con chung là cháu B sinh ngày 06/03/2019 và cháu C sinh ngày 17/8/2020. Hiện nay con lớn B đang ở cùng bố, con nhỏ C đang ở cùng mẹ. Tại phiên tòa anh A đề nghị nếu trường hợp vợ chồng phải ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 2.000.000/tháng/người, tổng số tiền cấp dưỡng cho 02 người con sẽ là 4.000.000 đồng/tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm, chị T đồng ý. Trường hợp anh A chậm trả tiền sẽ tính lãi theo quy định.

Về tài sản chung không có. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lý A trình bày:

Về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng chị Lê T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã do kinh tế khó khăn. Áp lực về kinh tế nên mỗi lần anh A đi làm về mệt, thường xuyên cáu gắt, không kiềm chế được bản thân, đôi khi có dùng lời lẽ xúc phạm vợ. Tháng 02/2022, vợ chồng xảy ra cãi vã do không kiềm chế được anh A đã ném quần áo và đuổi vợ ra khỏi phòng trọ, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Hôm nay khi đến Tòa án hai bên lại xảy ra xích mích, do không kiềm chế được anh A được tát chị T 2 cái. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên nội ngoại cũng đã khuyên bảo nhưng không hóa giải được. Hiện nay, do vẫn còn tình cảm vợ chồng, mong muốn cùng chị T xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con cái nên anh A không đồng ý ly hôn.

Về con chung đúng như chị T trình bày. Trường hợp nếu phải ly hôn, để các con được ở gần nhau anh A đề nghị chị T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 2.000.000/tháng/người, tổng số tiền cấp dưỡng cho 02 người con sẽ là 4.000.000 đồng/tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Về tài sản chung không có. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Lê T được ly hôn với anh Lý A. Về con chung: Công nhận sự thỏa Tận của chị Lê T và anh Lý A, chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung, đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lý A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung đến khi đủ

18 tuổi, với số tiền 2.000.000/tháng/người (hai triệu đồng/tháng/người), tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Về tài sản chung không có. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê T và anh Lý A, đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Hoà A, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, tại phiên tòa cả hai bên đều thừa nhận từ năm 2019 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Lý A thường dùng những lời nói xúc phạm, thậm chí đuổi chị T ra khỏi chỗ ở chung nên từ tháng 02 năm 2022, anh Lý A và chị Lê T sống ly thân cho đến nay, từ khi ly thân hai vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm gì về nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê T và anh Lý A có 02 người con chung cháu B sinh ngày 06/03/2019, cháu C sinh ngày 17/8/2020. Tại phiên tòa các đương sự chị T và anh A thỏa Tận, trường hợp phải ly hôn để các con được ở cùng nhau, chị T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 2.000.000/tháng/người, tổng số tiền cấp dưỡng cho 02 người con sẽ là 4.000.000 đồng/tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc thỏa Tận như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357 Bộ luật Dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê T được ly hôn với anh Lý A.

2. Về con chung, công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:

Chị Lê T và anh Lý A có 02 người con chung cháu B, sinh ngày 06/03/2019 và cháu C, sinh ngày 17/8/2020.

Sau khi ly hôn chị Lê T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung, đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lý A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 2.000.000/tháng/người (hai triệu đồng/tháng/người), tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí:

4.1. Chị Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp Ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Lê T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004291 ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

4.2. Anh Lý A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, để nộp Ngân sách nhà nước .

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn